

Bản án số: 101/2022/DS-PT

Ngày: 30/12/2022

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản trên đất và Hợp đồng giao khoán.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Quý Sứ

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế, bà Lê Thị Hồng Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thuý Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Đỗ Thị Thu Thủy, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29, 30 tháng 12 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 55/2022/DS-PT ngày 03/10/2022 về việc kiện Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất

Do bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 05/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2022/QĐ-PT ngày 03/11/ 2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Bà Phan Thị H, sinh năm 1973, có mặt

2. Ông Phạm Khắc H2 (Phan Sinh H2), sinh năm 1966, có mặt

Địa chỉ: Xóm BV, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Mai Tiến D, Luật sư Tạ Quang T- Công ty Luật TNHH ĐT, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, có mặt

Địa chỉ: Phòng 4518 Tòa C2 VinhomesD' Capitale TDH, CG, HN

Bị đơn: Tổng Công ty LNVN- Công ty cổ phần

Địa chỉ: Số 127 LĐ, phường ĐM, quận HBT, TP. HN

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quốc K, Chức vụ Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Phong L, bà Nguyễn Thị Kiều D, Cán bộ Tổng Công ty LNVN- Công ty cổ phần; Ông Phạm Huy B, Giám đốc Công ty LNTN, có mặt ông B, vắng mặt bà L, bà D.

Người làm chứng: Ông Phạm Văn T2, sinh năm 1971, vắng mặt

Địa chỉ: Xóm BV, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phan Thị H, ông Phạm Khắc H2 trình bày:

Năm 1991, gia đình bà H, ông H2 tự khai phá được khoảng 07 ha đất ở KD, thuộc Xóm BV, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN, để trồng ngô và lúa nương. Năm 1993, theo chủ trương chính sách của nhà nước, Lâm trường ĐH thực hiện giao khoán cho gia đình bà H 11,95 ha đất tại các lô 29, 32, 39, 40 khoảnh 9 tiểu khu 413, xóm BV để bảo vệ, trồng cây. Diện tích được giao trùm lên diện tích 07 ha gia đình ông bà đã khai hoang trước đó. Việc giao đất được thể hiện qua sổ xanh mang tên ông Phan Sinh H2.

Sau khi được giao đất, gia đình bà H tự bỏ vốn trồng 3 ha cây mỡ, 01 ha cây sắn và khoảng 3ha cây phân. Vì gia đình neo người, con nhỏ không chăm sóc được, nên 07 ha cây trồng không thu hồi được vốn. Năm 2001, trên diện tích hơn 7ha trong tổng số 11,95 ha đất được giao, gia đình bà H đầu tư trồng lại cây mỡ khoảng 01 ha, cây phân 03 ha và hơn 4 ha cây keo. Đến năm 2009, cây mỡ, keo được thu hoạch nhưng chỉ đủ vốn bỏ ra trồng, không có lãi.

Năm 2010, gia đình bà H lại tự bỏ vốn trồng tiếp chu kỳ 3 trên toàn bộ diện tích đất được giao, trong đó trồng cây keo khoảng hơn 7 ha, còn lại hơn 3ha vẫn để nguyên trồng cây phân từ trước. Năm 2015 ông H2 bà H khai thác, bán gỗ lấy tiền mở đường và trồng tiếp chu kỳ keo mới vào năm 2016. Thời điểm này, cây keo còn non do trồng mới, nhưng cây phân trên đất đã được 10 -17 tuổi. Quá trình vợ chồng ông bà sử dụng đất ổn định, không tranh chấp.

Năm 2016, Chi nhánh Công ty LNTN đã tự ý vào cắm mốc trên hơn 7 ha đất trồng keo của gia đình bà, vì cho rằng diện tích thuộc đất của Tổng Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2011. Đối với hơn 3 ha đất trồng phân, Công ty không cắm mốc. Bên cạnh đó, trước khi gia đình bà khai thác chu kỳ cây keo vào năm 2015, Công ty đã buộc gia đình phải ký vào Hợp đồng không có diện tích, không có vị trí đất. Nếu không ký thì không thể khai thác được cây rừng do UBND xã HT cũng từ chối cấp khai thác.

Theo kết quả đo của Công ty TNHH HNC, hiện trạng thực tế gia đình bà H sử dụng là 8,36 ha. Bà H, ông H2 yêu cầu Tòa án công nhận diện tích đất 8,36 ha và toàn bộ cây trồng trên đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng của gia đình bà H, ông H2; yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND tỉnh Thái Nguyên cấp cho Tổng Công ty LNVN ngày 15/2/2011; Hủy hợp đồng giao khoán trồng, chăm sóc rừng giữa gia đình bà H với Công ty Lâm nghiệp.

Đại diện theo ủy quyền của Tổng Công ty LNVN trình bày:

Về nguồn gốc đất: Tại Quyết định số 11/TCCQ ngày 12/01/1973 hợp nhất

Lâm trường PT với Lâm trường TC thành Lâm trường ĐH.

Tại Quyết định số 634/UB – QĐ ngày 08/12/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái thành lập doanh nghiệp Nhà nước là Lâm Trường ĐH, khi thành lập doanh nghiệp thì tổng diện tích rừng và đất rừng được giao cho Lâm Trường ĐH là 13.065ha.

Từ năm 1993 đến năm 1998 Lâm Trường ĐH tiến hành giao đất, giao rừng cho cán bộ nhân viên và một số bà con nhân dân tại địa phương để phủ xanh đất trống, đồi trọc.

Tại Quyết định số 3225/QĐ-UB ngày 14/11/1998 của UBND tỉnh Thái Nguyên quyết định về việc chuyển giao Lâm Trường ĐH về Tổng công ty LNVN với nguyên tắc bàn giao nguyên trạng, nguyên canh, nguyên cư được thể hiện tại Biên bản bàn giao Lâm Trường ĐH về Tổng công ty LNVN tháng 12/1998.

Tại Quyết định số 231/QĐ/BNN, TCCB ngày 20/01/1999 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn đã đổi tên Lâm Trường ĐH thành Công ty LNTN.

Tại Quyết định số 248/QĐ – BNN –TCCB ngày 28/01/2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã sáp nhập Công ty vận tải và kinh doanh lâm sản VT vào Công ty LNTN và đổi tên thành Công ty VDTN.

Tại Thông báo số 34 ngày 21/01/2005 của Công ty VDTN gửi tới các sở ban ngành xác định toàn bộ số giao đất giao rừng cho các hộ đến ngày 30/3/2005 không còn giá trị sử dụng phải chuyển sang hình thức hợp đồng giao khoán.

Tại Văn bản 1294/UBND – NLN ngày 28/11/2005 của UBND tỉnh Thái Nguyên chỉ đạo các hộ dân phải ký hợp đồng giao khoán với Công ty.

Tại kết luận thanh tra số 1655 ngày 17/7/2009 của sở tài nguyên môi trường kết luận việc chấp hành pháp luật của Công ty Ván Dăm, trong đó có nội dung xác định Lâm trường sử dụng mẫu giao đất giao rừng của UBND huyện Đồng Hỷ là sai mẫu giao khoán trồng và bảo vệ rừng. Công ty quản lý diện tích đất rừng tại xã HT là 2.211,08 ha.

Tại Quyết định 1386/QĐ – BNN – ĐMDN ngày 24/5/2010 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn đã quyết định chuyển Công ty VDTN thuộc Công ty LNVN thành Công ty TNHH Một thành viên VDTN.

Ngày 15/02/2011 tại Quyết định số 320 của UBND tỉnh Thái Nguyên đã quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH MTV VDTN với diện tích đất rừng sản xuất là 12.919.983,0m² tại khu vực thuộc xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN.

Năm 2012 tại Quyết định số 259 QĐ – BNN – ĐMDN ngày 13/02/2012 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn đã quyết định sáp nhập Công ty TNHH Một thành viên VDTN vào Tổng công ty LNVN.

Ngày 21/11/2014 UBND tỉnh Thái Nguyên có văn bản số 3231 về việc chấp thuận việc sử dụng đất sau khi cổ phần hóa của Công ty LNTN, trong đó thống nhất diện tích đất Công ty tiếp tục để lại sản xuất kinh doanh sau khi cổ phần hóa doanh nghiệp tại huyện ĐH là 30.149.046m², trong đó xã HT(đất lâm nghiệp): 10.959.700m². Công ty trả lại địa phương tại xã HT với diện tích là 10.446.000m².

Theo Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ diện tích gia đình ông H2, bà H thực tế quản lý, sử dụng là 8,36 ha, thuộc thửa 407, tờ bản đồ số 3 là 40.594 m², thửa 408 là 1.410 m², thửa 67 là 15.654 m², thửa 73 là 25.998 m², bản đồ giải thửa năm 2006 xã HT, nguồn gốc đất do Lâm Trường ĐH giao khoán từ năm 1993.

Tổng công ty LNVN- Công ty cổ phần đề nghị: Đối với diện tích đất bà H, ông H2 đang quản lý, sử dụng và phân diện tích bao gồm diện tích đất theo hợp đồng giao khoán và diện tích đất lấn chiếm, phía Công ty sẽ tạo điều kiện cho bà H, ông H2 được tiếp tục quản lý, sử dụng và khai thác cây trồng trên đất, nhưng bà H, ông H2 phải có đơn xin nhận khoán, ký hợp đồng giao khoán, phải nộp sản lượng với Công ty theo các mô hình khoán như những hộ khác.

Tổng Công ty LNVN không yêu cầu Tòa án buộc bà H, ông H2 phải trả lại phần đất lấn chiếm; không yêu cầu giải quyết nội dung của Hợp đồng giao nhận khoán, không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu (nếu có). Nếu sau này phát sinh tranh chấp liên quan đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong Hợp đồng giao khoán thì sẽ khởi kiện vụ án khác.

Tại công văn số 1217/UBND-CNN\$XD của UBND tỉnh Thái Nguyên gửi Toà án nhân dân huyện Đồng Hỷ có nội dung:

Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 52 Luật đất đai 2003; Điều 11,12,19 Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009;

Về Nguồn gốc đất: Tổng công ty LNVN được tiếp nhận nguyên trạng Lâm Trường ĐH tại Quyết định 3225/QĐ-UB ngày 14/11/1998 của UBND tỉnh Thái Nguyên. Trước đây Lâm Trường ĐH được thành lập và giao đất tại Quyết định 634/UB-QĐ ngày 08/12/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái, diện tích rừng và đất rừng được giao là 13.065 ha. Sau đó Lâm Trường ĐH đổi tên thành Công ty LNTN tại Quyết định 231/QĐ-BNN ngày 20/01/1999 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn. Ngày 28/01/2003 Công ty LNTN được đổi tên thành Công ty VDTN tại Quyết định số 248/QĐ-BNN-TCCB của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Việc cấp GCNQSD đất: Sau khi nhận được hồ sơ xin cấp GCNQSD đất của Công ty TNHH Một thành viên VDTN, Văn phòng đăng ký QSD đất đã tiến hành kiểm tra hồ sơ và hiện trạng sử dụng đất của Công ty, trích lục bản đồ địa chính các thửa đất đề nghị cấp GCNQSD đất, xác nhận đủ điều kiện vào đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trình Sở Tài Nguyên và Môi trường theo quy định.

Ngày 15/02/2011 UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định số 320/QĐ-UBND về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH Một thành viên VDTN tại xã HT, huyện ĐH. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH Một thành viên VDTN là đúng quy định của pháp luật đất đai.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 05/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H và ông Phạm Khắc H2 đề nghị Tòa án công nhận 8,36 ha đất trồng rừng và toàn bộ cây rừng trên đất thuộc quyền sử dụng của gia đình ông bà.

- + Nằm ở thửa 407 tờ bản đồ địa chính số 3 xã HT diện tích 40594m².
- + Nằm ở thửa 408 tờ bản đồ địa chính số 3 xã HT diện tích 1410m²
- + Nằm ở thửa 67 tờ bản đồ địa chính số 3 xã HT diện tích 15654m²
- + Nằm ở thửa 73 tờ bản đồ địa chính số 3 xã HT diện tích 25.998m².

Vị trí đất tranh chấp có tứ cận tiếp giáp:

- + Phía Bắc giáp với đất nhà ông H2 đang sử dụng;
- + Phía Tây Nam giáp đình đông.
- + Phía Đông giáp với đất ông H4 đang sử dụng;
- + Phía Tây giáp với đất thửa 408, tờ bản đồ số 3.

(có sơ đồ chi tiết kèm theo)

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H2, bà H đề nghị Hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BA 866510 của Tổng Công ty LNVN được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 15/2/2011 vị trí đất tại xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H2, bà H đề nghị Tòa án buộc Tổng Công ty LNVN, Công ty LNTN về việc ép ký hợp đồng chưa có số lượng, diện tích trước khi khai thác và dừng thu khoản sản phẩm trái quy định trên toàn bộ diện tích đất tranh chấp.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/8/2022 nguyên đơn ông Phạm Khắc H2, bà Phan Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 05/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Nội dung kháng cáo, nguyên đơn cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, đánh giá khách quan toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật dẫn đến ra bản án không đúng. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự giữ nguyên quan điểm trình bày như nội dung án sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có quan điểm tranh luận cho rằng:

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn có yêu cầu Tòa án huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND tỉnh Thái Nguyên cấp cho Công ty Lâm nghiệp, Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ không chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, không đưa UBND tỉnh tham gia tố tụng để xem xét huỷ quyết định cá biệt là không đúng thẩm quyền quy định tại Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 32 Luật tố tụng hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa UBND huyện Đồng Hỷ, UBND xã Hợp Tiến tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Năm 1993 ông H2 được Lâm Trường ĐH giao 12,95 ha đất để bảo vệ, trồng rừng cho đến nay chưa có văn bản nào huỷ bỏ quyết định của Lâm Trường ĐH. Thời hạn giao đất, giao rừng là 50 năm, năm 2011 UBND tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Bà Phan Thị H cung cấp cho Hội đồng xét xử 01 USB kèm theo 01 Vi bằng, nội dung Phóng sự trong chương trình thời sự 11h 30 ngày 09/12/2022, có trích dẫn câu nói của ông Phạm Văn B, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên và ông Lê Văn N, Phó Chủ tịch UBND xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm huỷ toàn bộ án sơ thẩm để giải quyết lại theo quy định.

Tổng công ty LNVN- Công ty cổ phần đề nghị: Đối với diện tích đất bà H , ông H2 đang lấn chiếm, Công ty sẽ tạo điều kiện cho bà H , ông H2 được tiếp tục quản lý, sử dụng và khai thác cây trồng trên đất khi đến chu kỳ khai thác, Công ty không yêu cầu bà H , ông H2 phải nộp sản lượng. Hết chu kỳ khai thác bà H , ông H2 phải có đơn xin nhận khoán, ký hợp đồng giao khoán, phải nộp sản lượng với Công ty theo các mô hình khoán như những hộ khác. Đối với diện tích đất nằm trong hợp đồng giao khoán năm 2016, thì phần cây trồng trên đất thực hiện theo nội dung cam kết, thoả thuận trong hợp đồng giao khoán.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn; sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 05/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, công nhận cây trồng trên phần đất nguyên đơn lấn chiếm là của nguyên đơn. Phần cây trồng trên đất theo hợp đồng giao nhận khoán các bên sẽ thực hiện theo cam kết thoả thuận trong hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn kháng cáo trong hạn luật định, được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Bà Phan Thị H cung cấp cho Hội đồng xét xử 01 USB kèm theo 01 Vi bằng, nội dung Phóng sự trong chương trình thời sự 11h 30 ngày 09/12/2022, có trích dẫn câu nói của ông Phạm Văn B, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên và ông Lê Văn N, Phó Chủ tịch UBND xã Hợp Tiến, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên về tình hình quản lý đất rừng trên địa bàn xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN

Xét nội dung trả lời của ông Phạm Văn B, ông Lê Văn N được lập vi bằng không liên quan đến nội dung giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về nguồn gốc đất:

[2] Lâm Trường ĐH được Ủy ban hành chính tỉnh Bắc Thái thành lập ngày 12/01/1973 theo Quyết định số 11/ TCCQ trên cơ sở hợp nhất Lâm trường Phúc Trìu và Lâm trường Trại Cau trực thuộc Ty lâm nghiệp Bắc Thái. Năm 1992 thành lập Lâm Trường ĐH trực thuộc Sở Lâm nghiệp Bắc Thái, tổng diện tích rừng và đất rừng được giao 13.065 ha. Năm 1998 UBND tỉnh Thái Nguyên đã quyết định chuyển Lâm Trường ĐH trực thuộc Sở Lâm nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Thái Nguyên về Tổng công ty LNVN quản lý. Năm 1999 Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã quyết định đổi tên Lâm Trường ĐH thành Công ty LNTN trực thuộc Tổng công ty LNVN. Năm 2003 sáp nhập Công ty vận tải và kinh doanh lâm sản Việt Trì vào Công ty LNTN và đổi tên Công ty LNTN thành Công ty VDTN, Công ty TNHH Một thành viên VDTN. Năm 2012 sáp nhập Công ty TNHH Một thành viên VDTN vào Tổng công ty LNVN. Tại Quyết định 121/QĐ/HĐTV-TCLĐ ngày 16/03/2012 đã quyết định thành lập Chi nhánh Tổng công ty LNVN – Công ty LNTN

[3] Diễn biến hình thành, biến động quyền sử dụng đất của Lâm Trường ĐH (nay là Tổng công ty LNVN, Công ty cổ phần) thể hiện theo các văn bản, quyết định: Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 08/12/1992 của UBND tỉnh Thái Nguyên quyết định về việc thành lập Doanh nghiệp nhà nước Lâm Trường ĐH với vốn rừng được cấp là 13.065 ha; Quyết định số 3225/QĐ-UBND ngày 14/11/1998 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc chuyển giao Lâm Trường ĐH về Tổng công ty LNVN trên nguyên tắc bàn giao nguyên trạng, nguyên canh, nguyên cư, với tổng diện tích đất lâm nghiệp của Lâm trường là 11.553 ha; Tại Kết luận thanh tra số 1655/STNMT-TTr ngày 17/7/2009 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Nguyên kết luận việc chấp hành pháp luật về đất đai đối với Công ty VDTN đã kết luận: Qua kiểm tra đối soát tổng diện tích đất Công ty VDTN thì đất lâm nghiệp còn lại diện tích 10.099,96ha, nhưng thực tế quản lý và sử dụng 8.077,87ha đất lâm nghiệp; Quyết định số 320/QĐ-UBND Ngày 15/02/2011 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc cấp giấy chứng nhận cho Công

ty TNHH MTV VDTN, tại xã HT , huyện Đồng Hỷ là 12.919.983,0m² (1.292ha). Tại Công văn số 3231/UBND-NC ngày 21/11/2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc sử dụng đất sau khi cổ phần hóa của Công ty LNTN thì diện tích công ty để lại khi thực hiện cổ phần hóa tại xã HT là 10.959.700m² (1.095ha)

[4] Năm 1998 khi chuyển giao Lâm Trường ĐH về Tổng công ty LNVN đã có Biên bản kiểm kê rừng và đất lâm nghiệp do Lâm Trường ĐH quản lý, diện tích đất của Lâm Trường ĐH có vị trí tứ cận: Phía Bắc giáp tuyến đường Linh Sơn đi LH và VN; Đông giáp huyện VN, Tây giáp các xã LS, NH, HT, TL; Nam giáp tỉnh HB. Lâm trường nằm trên đất của các xã KM, VH, CT, HT và TL bao gồm 04 phân trường I, II, III, IV có 15 tiểu khu 402A, 402B, 403, 404, 401, 407, 408A, 408B, 409, 410, 411B, 412, 413, 414, 416, tổng diện tích đất lâm nghiệp 11.553ha.

[5] Như vậy, có đủ căn cứ xác định đất có nguồn gốc của Lâm Trường ĐH được Nhà Nước giao quản lý để thực hiện việc sản xuất, kinh doanh nghề rừng, có quyết định giao đất với tổng diện tích đất được giao là 13.065 ha từ năm 1992. Trải qua các thời kỳ chuyển giao từ Lâm Trường ĐH đến nay là Chi nhánh Tổng công ty LNVN, Công ty cổ phần, diện tích đất được bàn giao nguyên trạng.

Về diện tích đất được Lâm Trường ĐH giao đất, giao rừng:

[6] Nguyên đơn ông Phạm Khắc H2, bà Phan Thị H cũng xác định: Năm 1993 ông H2 được Lâm Trường ĐH giao 11,95 ha đất rừng thuộc lô 29, 32, 39, 40 khoảnh 9 tiểu khu 413, thuộc Xóm BV, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN để trồng cây và bảo vệ rừng. Việc giao đất thông qua Sổ giao đất giao rừng mang tên Phan Sinh H2 (Phạm Khắc H2).

[7] Tại biên bản giao rừng và đất để trồng rừng ngày 30/11/1993 giao cho ông H2 11,95 ha, phần cuối biên bản có nội dung cam kết: *Chủ rừng nhận đất phải trồng cây, nhận rừng phải quản lý, bảo vệ, chăm sóc để rừng luôn phát triển. Thực hiện đúng những điều đã cam kết trong đơn. Giao đủ sản phẩm cho Nhà nước khi được thu hoạch theo quy định tại Điều 20+2 Quyết định số 08 của tỉnh.*

Điều 11 khoản 2 của Quy định việc giao khoán đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp Nhà nước, ban hành kèm theo Nghị định số 01/CP ngày 04/01/1995 của Chính phủ, quy định: *Thời hạn giao khoán đối với rừng phòng hộ, rừng đặc dụng là 50 năm; đối với rừng sản xuất thì theo chu kỳ kinh doanh.*

[8] Tại Quyết định giao đất giao rừng ngày 30/11/1993 Lâm Trường ĐH là Doanh nghiệp Nhà nước được giao khoán trồng, bảo vệ rừng và là chủ thể thực hiện giao khoán nhưng lại sử dụng mẫu giao đất, giao rừng của UBND huyện Đồng Hỷ là không đúng quy định. Ngày 21/01/2005 Công ty VDTN ban hành văn bản số 34/CTVD/CV yêu cầu các hộ trước đây được Lâm Trường ĐH giao đất, giao rừng bằng sổ Lâm bạ phải chuyển sang hình thức Hợp đồng giao khoán

và thời hạn giao khoán theo chu kỳ kinh doanh là phù hợp quy định của pháp luật.

[9] Điều 99 Luật đất đai năm 2013 và khoản 4 Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai quy định các trường hợp không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: *4. Người nhận khoán đất trong các nông trường, lâm trường, doanh nghiệp nông, lâm nghiệp, ban quản lý rừng phòng hộ, ban quản lý rừng đặc dụng*”

[10] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cho rằng Lâm Trường ĐH giao đất giao rừng cho ông H2 năm 1993, thời hạn giao đất là 50 năm, hiện nay hồ sơ giao khoán này vẫn đang có hiệu lực, chưa bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi, nên yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Về việc nguyên đơn cho rằng diện tích đất đã khai hoang:

[11] Ông H2, bà H cho rằng năm 1991 gia đình ông H2, bà H tự khai hoang được 07 ha, diện tích đất này là diện tích đất bỏ hoang, không có ai quản lý, sử dụng. Tuy nhiên, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì xác định việc sử dụng đất từ năm 1991 và căn cứ chứng minh cho việc khai hoang. Kể từ đó cho đến nay, ông H2, bà H cũng không kê khai với bất cứ cơ quan nào, không xin được khai hoang diện tích đất theo quy định tại Điều 103, 104 Luật đất đai năm 2003, quy định việc quản lý đất chưa sử dụng thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm quản lý, bảo vệ đất chưa sử dụng tại địa phương và đăng ký vào hồ sơ địa chính.

[12] Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư 52/2014/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thì đất khai hoang là đất đang để hoang hóa, đất khác đã quy hoạch cho sản xuất nông nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Văn bản trả lời của Hạt kiểm lâm Đồng Hỷ, xác định hiện trạng sử dụng đất của 11 hộ gia đình đang tranh chấp trong đó có bà H, ông H2, đều thuộc quy hoạch là đất rừng sản xuất, hiện trạng là rừng trồng. UBND xã Hợp Tiến xác định diện tích đất 11 hộ đang tranh chấp với Tổng công ty LNVN không nằm trong diện tích đất mà Công ty trả về cho địa phương theo Quyết định 1136/QĐ-UBND ngày 21/5/2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc thu hồi đất. Hồ sơ địa chính các thời kỳ của xã HT không có hồ sơ lưu trữ hay các căn cứ pháp lý về việc công nhân, nhân dân tự khai hoang diện tích đất rừng. Không có việc người dân đến kê khai hoặc xin được khai hoang đất đối với diện tích đất của 11 hộ đang tranh chấp với Công ty Lâm nghiệp.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ xác định: Diện tích đất ông H2 bà H đang tranh chấp với Công ty LNTN, kết quả đo đạc theo chỉ dẫn của ông H2, bà H thuộc thửa số 407, 408, tờ bản đồ số 3 UBND tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty TNHH MTV VDTN nay thuộc Tổng

Công ty LNVN– Công ty cổ phần. Phần diện tích còn lại thuộc thửa 67, 73, tờ bản đồ số 3, thuộc quyền quản lý của Công ty theo hồ sơ giao đất từ năm 1993.

Phần diện tích đất bà H , ông H2lần chiếm của Công ty, tại thửa số 67 và thửa 73 tờ bản đồ số 3, Công ty chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng thuộc diện tích Công ty được giao tại Quyết định số 634UB-QĐ ngày 08/12/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái về việc thành lập doanh nghiệp Nhà nước Lâm Trường ĐH. Căn cứ theo bản đồ kiểm kê năm 2004 do Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Thái Nguyên phê duyệt, hai vị trí thửa trên thuộc lô 41b - hiện trạng rừng IB, lô 44 - hiện trạng rừng IB và lô 47 - hiện trạng rừng IC, khoảnh 6, tiểu khu 413 (nay là tiểu khu 195).

Ông H2, bà H cho rằng khai hoang được diện tích đất thuộc diện tích đất do Công ty LNTN quản lý và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có căn cứ chấp nhận.

[13] Từ những phân tích nêu trên thấy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Khắc H2, bà Phan Thị Hê nghị Tòa án công nhận diện tích đất trồng rừng đang quản lý sử dụng là có căn cứ.

[14] Về yêu cầu khởi kiện của ông H2, bà H đề nghị Tòa án tuyên huỷ hợp đồng giao khoán ký năm 2016:

Xét các Hợp đồng giao nhận khoán bà H ký với Công ty đều dựa trên cơ sở có Đơn xin nhận khoán, các Hợp đồng giao nhận khoán trồng rừng do bà H trực tiếp ký với Công ty Lâm nghiệp đều có chữ ký và xác nhận của UBND xã Hợp Tiến, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên Nội dung trong hợp đồng không vi phạm các điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội thể hiện rõ nội dung khoán, công việc, đầu tư vốn, quyền lợi và trách nhiệm của các bên tham gia hợp đồng.

Trước thời điểm ký hợp đồng năm 2016, bà H , ông H2cũng thừa nhận có việc ký hợp đồng năm 2011, nhưng đã thanh lý xong.

Ông Phạm Văn T - Nguyên đội trưởng đội sản xuất của Công ty xác định, trong thời gian làm đội trưởng ông không thu khoản tiền nào của người nhận khoán, mà việc thu là do kế toán công ty thu có hóa đơn thu chi giao cho các hộ nhận khoán. Khi ký các hợp đồng giao khoán thì người nhận khoán đã biết và được thỏa thuận nội dung hợp đồng, có đơn xin nhận khoán, hợp đồng đã có nội dung được đánh máy đầy đủ các điều khoản và người nhận được đọc, thông qua nội dung trong hợp đồng nhất trí mới ký hợp đồng. Việc ký hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc, không có ký khống, vì đất này thuộc quyền quản lý của Công ty nên nếu hộ dân nào không ký thì sẽ có hộ dân khác ký Hợp đồng giao khoán với Công ty.

Bà H ,ông H2và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng Công ty ép và cho ký khống các hợp đồng giao nhận khoán thì mới được khai thác cây rừng, yêu cầu tuyên hợp đồng giao khoán vô hiệu là không có căn cứ chấp nhận.

[15] Về yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND tỉnh Thái Nguyên cấp cho Công ty VDTN nay là Tổng Công ty LNVN. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và những phân tích nêu trên thấy, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không trái pháp luật, không xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ án. Do không có căn cứ để huỷ quyết định cá biệt theo Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[16] Về yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án công nhận tài sản là cây trồng trên phần đất tranh chấp:

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã giải thích cho bị đơn quyền yêu cầu phản tố, yêu cầu nguyên đơn trả lại phần đất lấn chiếm và yêu cầu giải quyết nội dung các hợp đồng giao khoán đã ký với bà Phan Thị H, nhưng bị đơn không có yêu cầu, đề nghị gì.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị đơn xác định phần cây trồng trên đất bà H, ông H2 lấn chiếm của Công ty do gia đình bà H trồng thì tiếp tục được khai thác khi đến chu kỳ khai thác, Công ty không yêu cầu gia đình bà H phải nộp sản lượng. Đối với cây trồng trên phần đất bà H ký hợp đồng giao khoán, sẽ thực hiện theo cam kết, thoả thuận trong hợp đồng giao khoán khi đến chu kỳ khai thác. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu của nguyên đơn về việc công nhận cây trồng trên đất là không đúng, cần sửa phần nội dung này trong quyết định của Bản án sơ thẩm.

[17] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Khắc H2, bà Phan Thị H; Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 05/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Áp dụng các Điều 166, 203; Điều 99, Điều 100 Luật đất đai năm 2013; Điều 117, Điều 222 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Khắc H2, bà Phan Thị H về việc yêu cầu công nhận 83.656 m² đất rừng sản xuất tại thửa số 407, 408, 67, 73, tờ bản đồ số 3, Xóm BV, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN, UBND tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/02/2011 cho Công ty TNHH Một thành viên VDTN, nay là Tổng Công ty LNVN- Công ty cổ phần.

Trong đó: 40.594 m² thuộc thửa 407, tờ bản đồ số 3; 1.410 m² thuộc thửa 408, tờ bản đồ số 3; 15.654 m² thuộc thửa 67, tờ bản đồ số 3; 25.998 m² thuộc thửa 73, tờ bản đồ số 3, Xóm BV, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN (Có sơ đồ chi tiết kèm theo)

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Khắc H2, bà Phan Thị H về việc yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với Hợp đồng giao, nhận khoán trồng rừng kinh tế năm 2016 số 39/2016/HĐ ngày 06/6/2016 giữa Công ty LNTN với bà Phan Thị H.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H2, bà H đề nghị hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BA 866510, UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 15/2/2011 cho Công ty TNHH Một thành viên VDTN, nay là Tổng công ty LNVN- Công ty cổ phần, vị trí đất tại xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN

4. Công nhận phần cây trồng trên diện tích đất 15.654 m² thuộc thửa số 67, tờ bản đồ số 3 và trên diện tích 25.998 m², thửa 73, tờ bản đồ số 3, xã HT, huyện ĐH, Thái Nguyên thuộc quyền sử dụng của ông Phạm Khắc H2, bà Phan Thị H. Ông H2, bà H có nghĩa vụ khai thác cây trồng trên đất khi đến chu kỳ khai thác.

5. Phần cây trồng trên diện tích đất theo Hợp đồng giao, nhận khoán trồng rừng kinh tế số 39/2016/HĐ ngày 06/6/2016 giữa Công ty LNTN với bà Phan Thị H thực hiện theo nội dung cam kết, thỏa thuận trong hợp đồng giao khoán khi đến chu kỳ khai thác. Nếu có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

6. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Phạm Khắc H2, bà Phan Thị H; Ông Phạm Khắc H2, bà Phan Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

7. Về chi phí tố tụng: Ông Phạm Khắc H2, bà Phan Thị H phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản (đã thực hiện xong tại cấp sơ thẩm).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện ĐH;
- Chi cục THADS huyện ĐH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Quý Sửu